

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi cho công tác phổ cập giáo dục,
xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số
điều tại Luật số 123/2025/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội
học tập giai đoạn 2021 - 2030”;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung,
quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;*

*Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các
cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 11869/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 143/BC-BVHXXH ngày 30 tháng 9 năm 2026
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban
nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi
cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập giai đoạn
2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng xã hội học tập.
- b) Người tham gia thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập

1. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (*bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo*); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

Điều 3. Nội dung, mức chi cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở (*sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục*): Thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

2. Chi hỗ trợ thấp sáng ban đêm cho cơ sở/đơn vị đặt địa điểm lớp học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ban đêm: 150.000 đồng/lớp/tháng (*Thời gian hỗ trợ theo thời gian thực học*).

3. Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập của mỗi lớp học (*thời gian được tính theo năm học đối với các lớp học phổ cập, theo giai đoạn đối với các lớp xóa mù chữ*): Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh, không quá 250.000 đồng/lớp.

4. Chi mua sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ (*Sách giáo khoa cho học viên mượn đầu kỳ và thu lại sau khi học xong*

để sử dụng cho các lớp tiếp theo). Trên cơ sở số lượng học viên tham gia học các lớp học phổ cập, xóa mù chữ, đơn vị tổ chức lớp học tổ chức mua sắm sách giáo khoa theo quy định, chi theo hóa đơn thực tế phát sinh. Sau khi kết thúc đợt học, giáo viên chủ nhiệm lớp học có trách nhiệm thu lại sách giáo khoa đã cho học viên mượn, bảo quản để tiếp tục sử dụng cho các lớp học tiếp theo.

5. Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: Người được cơ sở/đơn vị tổ chức lớp xóa mù chữ phân công thực hiện tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ tham gia học và hoàn thành chương trình xóa mù chữ từng giai đoạn theo quy định được hỗ trợ 200.000 đồng/học viên/giai đoạn.

6. Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế của ngành giáo dục tham gia dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập: Chi trả tiền lương và tiền lương dạy thêm giờ theo quy định về tiền lương.

7. Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (*bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực về giảng dạy*): Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

8. Chi hỗ trợ người tổ chức và quản lý lớp học trong thời gian lớp học được duy trì (*mỗi cơ sở giáo dục tiểu học hoặc trung học cơ sở phân công một lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các lớp học*): 300.000 đồng/người/tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 10 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Ninh Thuận (*trước sáp nhập*) quy định nội dung và mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTrVB và XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, AT, YC.



CHỦ TỊCH

Lâm Đông



PHỤ LỤC
PHẠM VI NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐIỀU TRA,
KHẢO SÁT CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ
VÀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
(Kèm theo Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán		
a	<i>Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê</i>		15.000.000 đồng
b	<i>Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê</i>		7.000.000 đồng
2	Chi đối tượng cung cấp thông tin		
a	Đối tượng là cá nhân	Đồng/phiếu	
a1	<i>Từ 30 chỉ tiêu trở xuống</i>		30.000
a2	<i>Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu</i>		40.000
a3	<i>Trên 40 chỉ tiêu</i>		50.000
b	Đối với tổ chức (<i>không phải là các cơ quan, đơn vị nhà nước</i>)	Đồng/phiếu	
b1	<i>Từ 30 chỉ tiêu trở xuống</i>		60.000
b2	<i>Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu</i>		80.000
b3	<i>Trên 40 chỉ tiêu</i>		100.000
c	Đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của nhà nước	Đồng/phiếu	
c1	<i>Từ 30 chỉ tiêu trở xuống</i>		30.000
c2	<i>Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu</i>		40.000
c3	<i>Trên 40 chỉ tiêu</i>		50.000
3	Chi tiền công		
a	Chi tiền công thuê ngoài	Đồng/người/ngày	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
a1	<i>Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường</i>	<i>Đồng/người/ngày</i>	<i>Mức tiền công thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê</i>
a2	<i>Thuê người dẫn đường không phải phiên dịch</i>	<i>Đồng/người/ngày</i>	<i>Mức tiền công tính bằng 70% mức tiền công quy định tại tiết a1, điểm a, khoản 3 Phụ lục này</i>
b	Trường hợp công chức cấp xã tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê	Đồng/người/ngày	Mức tiền công tính bằng 50% mức tiền công quy định tại tiết a1, điểm a, khoản 3 Phụ lục này
c	Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê	Đồng/người/ngày	Mức tiền công tính bằng 50% mức tiền công quy định tại tiết a1, điểm a, khoản 3 Phụ lục này
c1	<i>Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính</i>	<i>Đồng/người/ngày</i>	<i>Mức tiền công tính bằng mức tiền công quy định tại tiết a1, điểm a, khoản 3 Phụ lục này</i>